

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

MỘT SỐ BIỂU HIỆN CỦA VĂN HÓA PHẬT GIÁO ẢNH HƯỞNG ĐẾN VĂN HÓA VIỆT NAM (THỜI KÌ LÝ - TRẦN)

PHAN NHẬT HUÂN^(*)

Phật giáo ra đời ở Ấn Độ vào khoảng thế kỉ VI trước Công nguyên và du nhập vào Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên. Trải qua hơn 2.000 năm lịch sử, một chiều dài lịch sử khá đủ, đạo Phật dù là truyền từ Ấn Độ hay Trung Hoa đều được bản địa hóa, Việt Nam hóa để những giá trị tinh hoa của Phật giáo biến thành sở hữu thực sự của dân tộc Việt Nam.

Những biểu hiện của văn hóa Phật giáo trong văn hóa dân tộc, hay nói cách khác là sự ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo đối với văn hóa dân tộc, đặc biệt là thời Lý - Trần, là hết sức đa dạng và phong phú trên nhiều lĩnh vực như văn học nghệ thuật, kiến trúc điêu khắc, tư tưởng chính trị, phong tục, tập quán, lối sống, v.v...

Trong bài viết này, tôi chỉ đề cập đến ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo đối với văn hóa Việt Nam trên lĩnh vực tư tưởng chính trị - xã hội và lĩnh vực phong tục, tập quán, lối sống.

1. Ảnh hưởng đến tư tưởng chính trị - xã hội

Bước sang thế kỉ XI, với sự xác lập vương triều Lý, dưới ảnh hưởng của Phật giáo, tư tưởng chính trị - xã hội phát triển mạnh và có vị trí quan trọng hàng đầu trong sinh hoạt tư tưởng của nước ta đương thời. Điều đó phản ánh trình độ nhận thức chứa đựng hào khí dân tộc của cả nước về những vấn đề chính trị nóng hổi và cấp bách xoay quanh nhu cầu củng cố trật tự xã hội và bảo vệ lợi ích của giai cấp phong kiến Việt Nam. Những giá trị văn hóa Phật giáo như “từ bi, hỉ xả”, “vô thường, vô ngã”, “nhân quả, nghiệp báo”..., đã tác động không nhỏ đến những khuynh hướng tư tưởng chính trị - xã hội ở nước ta. Tư tưởng chính trị - xã hội Đại Việt lúc này mang tính chất chiến đấu và chứa đựng chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng của một dân tộc đang cố gắng vượt bậc trong cuộc đọ sức với giặc ngoại xâm⁽¹⁾.

Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV với sự ảnh hưởng qua lại của tư tưởng Tam giáo

^{*}. Thích Thanh Huân, chùa Pháp Vân, Hà Nội.

1. Nguyễn Tài Thư. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 163.

(Nho, Phật, Đạo), vai trò của Phật giáo được đánh giá nổi trội hơn cả với những giá trị văn hóa “từ bi, hỉ xả”, tinh thần nhập thế phù hợp với yêu cầu của lịch sử thời kì đó.

Văn hóa Phật giáo được truyền bá vào Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên và phát triển cực thịnh dưới thời Lý - Trần. Vậy, vấn đề đặt ra là tại sao Phật giáo lại có được ảnh hưởng không nhỏ đối với tư tưởng chính trị hiện thực của xã hội Đại Việt thời Lý - Trần và tạo nên sự phát triển mạnh mẽ như vậy? Tác dụng của nó đối với con đường chính trị thời Lý - Trần là gì? Đặc điểm của nó như thế nào?

Nguồn gốc của văn hóa Phật giáo bắt nguồn từ Ấn Độ. Ngay từ khi mới ra đời, văn hóa Phật giáo đã có ảnh hưởng đến tư tưởng chính trị - xã hội Ấn Độ. Xuất phát từ quan niệm cơ bản của văn hóa Phật giáo là “nhận thức về khổ”, từ đời người đến thế gian, để truy cầu giải thoát thế tục, lấy cảnh giới cao nhất là giải thoát cá nhân, đoạn tuyệt sinh tử. Cho nên, văn hóa Phật giáo thời kì đầu một mặt xem phú quý như phù vân, xem quyền lực là giả tạm, cho rằng việc chính sự là trở ngại cho sự giải thoát của cá nhân, có khuynh hướng bài thoát, vượt qua chính trị. Nhưng ngược lại, nếu Phật giáo không được sự ủng hộ của giai cấp thống trị thì văn hóa Phật giáo khó mà tồn tại, lưu truyền và phát triển được. Vì thế, Bộ phái “Tỳ Ni Mầu Kinh” trong Thượng Tọa Bộ của Phật giáo thời kì này đã đề ra một cách minh xác về vương pháp và Phật pháp là “Nhị Pháp Bất khả vi”. Có hai loại pháp không chống trái

nhau: “nhất Phật pháp bất khả vi, nhị Chuyển luân Thánh vương pháp bất khả vi”⁽²⁾. Gọi “Nhị Pháp Bất khả vi” là không trái với vương pháp, cũng là Phật pháp phải phục tùng vương pháp. Do vậy, văn hóa Phật giáo có “Hộ Quốc Kinh” giảng về pháp hộ trì đất nước. “Phật thuyết Nhân Vương Bát nhĩ Ba la mật kinh” viết: “Nếu các quốc vương trong tương lai bảo vệ Tam Phật (Phật, Pháp, Tăng) thì Ngũ Đại, Bồ Tát ở nước đó sẽ được bảo vệ”⁽³⁾. Mặt khác, văn hóa Phật giáo còn dựa vào “Tứ Thiên Vương” để bảo vệ nước.

Kế thừa truyền thống của văn hóa Phật giáo, thời Lý - Trần, văn hóa Phật giáo Đại Việt đã tiếp thu tính nhập thế trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, tạo ra được mối liên hệ hiện thực của văn hóa Phật giáo với chính quyền phong kiến. Một lớp tăng nhân nổi tiếng thế tục hóa và tích cực tham gia vào chính trị cùng chính quyền, giữ mối quan hệ mật thiết, lấy phương thức đặc biệt của tôn giáo phục vụ chính trị, xây dựng một tiểu hệ thống kiến trúc thượng tầng xã hội bền vững. Ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo và chế độ chính trị thời Lý - Trần không hạn chế ở thái độ chính trị của tăng nhân Phật giáo mà còn dựa vào quan niệm và tư tưởng của mình để gián tiếp tác động đến xã hội hiện thực.

Dưới các triều đại Lý, Trần, với tư cách là một tiểu hệ thống kiến trúc thượng tầng của xã hội, văn hóa Phật giáo đã có những sự phát triển nhất

2. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1999, tr. 204.

3. Lưu Trường Cửu. *Nền văn hóa Phật giáo Trung Quốc*, Nxb. Đồng Nai, 2009, tr. 205.

định từ việc xúc tiến nghiên cứu những tư tưởng, giáo lí của Phật giáo qua hệ thống kinh điển⁽⁴⁾, đến việc cử sứ thần sang “thỉnh” Phật bên nước Tống và kinh điển được thời Lý lưu trữ rất cẩn thận tại các kho do triều đình xây dựng.

Để tuyển chọn nhân tài cho bộ máy quan lại, năm 1070, triều Lý đã cho dựng Văn Miếu, mở nhà Thái học (Quốc Tử giám), tạo dựng nền quốc học chính quy đầu tiên của Việt Nam. Trong nền quốc học ấy, những kiến thức của Nho, Đạo và Phật đều được coi trọng. Năm 1150, triều đình quyết định “đem Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo để thi kẻ sĩ. Ai đỗ thì cho xuất thân”⁽⁵⁾.

Thời Trần, đất nước trải qua gần hết nửa sau thế kỉ XIII qua ba cuộc chiến tranh ác liệt chống ngoại xâm Nguyên - Mông để bảo vệ Tổ quốc, và luôn trong tình trạng chuẩn bị đối phó chiến tranh xâm lược. Đó là những năm phải kiện toàn bộ máy của chế độ quân chủ và cũng là thời kì định hình văn hóa dân tộc. Thời kì này, tuy vai trò của Phật giáo có giảm sút về bề rộng nhưng lại đi vào chiều sâu, tạo ra một sắc thái mới, đó là sự xuất hiện Thiên tông Đại Việt do Trần Thái Tông, vua sáng nghiệp nhà Trần lập ra, một môn phái rất hợp với các đời vua đầu thời Trần. Trần Nhân Tông - ông vua đã hai lần chỉ huy đánh thắng quân Nguyên (1285, 1288), lập ra và trở thành ông tổ thứ nhất của môn phái Trúc Lâm trong Thiên tông Việt.

Những ý tưởng tốt đẹp có từ thời Lý được nhân lên ở thời Trần. Lòng yêu nước vượt lên tất cả, thể hiện trong lời nói của Trần Hưng Đạo: “Nếu Bệ hạ muốn

hàng thì trước hết hãy chém đầu tôi đi đã”⁽⁶⁾. Tinh thần “khoan thư sức dân” của một người thực duy nhất sống trước đây hơn bảy thế kỉ đó được dân tôn làm thánh - Đức thánh Trần. Như vậy, ý thức, trách nhiệm và lí tưởng, tâm thanh tịnh, nhân văn của Trần Nhân Tông, mà tư tưởng Phật giáo đã thấm nhuần trong ông, trở thành một điểm khởi đầu của văn hóa, của bản sắc Việt.

Việc triều đại Lý, Trần tăng cường tập hợp kinh điển đạo Phật cũng như việc dùng kiến thức của Nho, Phật, Đạo để chọn nhân tài cho bộ máy chính trị - hành chính đã chứng tỏ rằng:

1. Triều đình hết sức quan tâm tới ý thức hệ Phật giáo và có xu hướng nghiên cứu, phổ biến rộng rãi trong xã hội với tư cách là một ý thức hệ chính thống.

2. Mặc dù, xét theo bản chất, ý thức hệ Phật giáo không phải là một chủ thuyết chính trị (cái đó là bản chất của đạo Nho) song dưới thời Lý, Trần, ý thức hệ Phật giáo đã trở thành một bộ phận quan trọng trong ý thức hệ chính thống của xã hội; nó là một bộ phận tư tưởng quan trọng của kiến trúc thượng tầng thời Lý - Trần.

Đây là nét đặc thù trong cấu trúc ý thức hệ chính trị của các triều đại Lý, Trần. Bởi qua triều Trần trở đi thì ý thức hệ chính trị của Phật giáo chỉ còn vai trò là một bộ phận của ý thức hệ chính trị

4. Nhà vua nhiều lần xuống chiếu cho sao chép nhiều kinh điển Phật giáo để mọi người có sách nghiên cứu, đặc biệt là sự nghiên cứu của các tầng ni.

5. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.

6. *Lịch sử Việt Nam giản yếu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 150.

không chính thống, nó từ già cung đình và chỉ còn là ý thức hệ tôn giáo, thẩm nhuần trong các tầng lớp dân dã. Và nếu như có một bộ phận tầng lớp quý tộc phong kiến, quan lại và trí thức chịu ảnh hưởng của ý thức hệ Phật giáo đi nữa thì cũng không bao giờ Phật giáo trở lại với tư cách là một bộ phận của ý thức hệ chính trị chính thống nữa.

Với tư cách là một bộ phận quan trọng của ý thức hệ chính trị thời Lý - Trần, ý thức hệ Phật giáo đã giữ vai trò quan trọng trong việc chi phối các yếu tố khác, đặc biệt là đối với ý thức hệ Nho giáo. Từ đó, Phật giáo có vai trò không nhỏ đối với đời sống chính trị - xã hội của đất nước và giữ vai trò là nhân tố tích cực đối với lịch sử trong bối cảnh nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đang cần xây dựng một nền tư tưởng quốc gia độc lập và tự chủ.

Ý thức độc lập tự chủ và thống nhất quốc gia là nội lực tự cường, là sinh khí tiềm tàng của dân tộc Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử mấy nghìn năm, ý chí ấy ngày càng được hun đúc để tạo nên một hàng số của lịch sử Việt Nam. Ý chí ấy có thể không được viết ra thành những học thuyết trình bày mang tính lí luận, nhưng nó thường biểu hiện một cách phổ biến trong những hành động lịch sử của dân tộc, trong những hành vi bộc lộ tinh thần kiên cường của các nhân vật lỗi lạc trong mỗi giai đoạn lịch sử.

Ý thức được nhiệm vụ lịch sử trọng đại đó, nhà Lý, mà mở đầu là Lý Thái Tổ, đã quyết định “hoạch định lại” vị trí của kinh đô, dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Nếu cứ đóng đô ở đó thì “triều đại không được

lâu dài, số phận ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật không được thích nghi”. Vậy nên “Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi”.

Còn trung tâm đất nước của thành Đại La thì Lý Thái Tổ nhận xét: “Ở vào nơi trung tâm Trời Đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi, xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”⁽⁶⁾.

Để xây dựng một quốc gia thống nhất và độc lập lâu dài không chỉ có sự tạo dựng kinh đô. Với tư cách là trung tâm của một quốc gia là đủ, mà công việc trọng yếu và lâu dài hơn không thể thiếu được là xây dựng một nền văn hóa, một nền tư tưởng thống nhất và độc lập. Không thể có một quốc gia thống nhất và độc lập lâu dài chỉ bằng sức mạnh quân sự. Để có một nền độc lập và thống nhất lâu dài cho một quốc gia thì không chỉ cần sức mạnh bạo lực để bảo vệ chủ quyền dân tộc trước sự xâm lăng từ bên ngoài, sẵn sàng dập tắt mọi thế lực chính trị, cát cứ bên trong mà còn phải có một chỗ dựa vững chắc về mặt ý thức hệ.

Thực tế lịch sử đã cho thấy thời Lý - Trần có khuynh hướng tìm tòi một ý thức hệ cho quốc gia từ nền kinh điển của đạo Phật. Không chỉ vậy, sử còn ghi

6. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, 2, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 230.

chép các thiên sư lỗi lạc thường được triều đình sùng ái với tư cách là những cố vấn cho đường lối trị quốc.

Các công trình nghiên cứu về Phật giáo đều cho thấy, dù là Phật giáo sơ kì hay hậu kì, dù là Phật giáo Nam Phương hay Bắc Phương, dù là Thiên hay Tịnh hay Mật, nếu xét về ý thức hệ thì chỉ là một “đạo của sự giải thoát” chứ không phải là một thuyết chính trị - xã hội, thậm chí cũng không phải là một học thuyết đạo đức. Ngược lại, khi xem xét đạo Nho thì nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định, dù là Nho giáo của Khổng - Mạnh thời Xuân Thu - Chiến quốc hay Nho giáo thời Hán, Đường, Tống... thì bao giờ cũng là ý thức hệ chính trị của tầng lớp quý tộc, địa chủ phong kiến, luôn thôn tính tư tưởng chính trị xã hội theo xu hướng mô hình phong kiến trung ương tập quyền nhằm củng cố “tam cương” của xã hội phong kiến.

Vậy nên, theo lẽ thông thường thì ý thức hệ Nho giáo đương nhiên phải là ý thức hệ chủ đạo của vương triều Lý, Trần. Tuy nhiên, triều Lý, Trần đã không tiến đến Nho giáo và mô hình quân chủ tập quyền Trung Hoa như một xu hướng chủ đạo trong quá trình xác lập ý thức hệ chính thống của mình, mà đã tiến đến Phật giáo, lấy tư tưởng của đạo Phật làm tư tưởng chính thống cho đường lối chính trị đất nước và thực tế lịch sử đã chứng minh điều đó không phải là một sai lầm. Sự tồn tại và phát triển trên 400 năm của triều đại Lý, Trần đã lập nên nhiều kì tích lịch sử vẻ vang. Điều quan trọng hơn phải nói đến là các triều đại

Lý, Trần đã giải quyết rất có hiệu quả hai nhiệm vụ lịch sử của dân tộc, đó là độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia, tạo ra những tiền đề lịch sử cần thiết cho sự phát triển của nước nhà sau này.

Như vậy, phải khẳng định rằng, triết lí vô trụ của Thiên tông đã đóng vai trò như là một phương pháp luận triết học đắc dụng của quá trình tạo lập ý thức hệ quốc gia độc lập và thống nhất, qua đó góp phần tạo nên sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Tính chất ấy là một nhân tố xã hội quan trọng trong sự nghiệp khẳng định tinh thần độc lập dân tộc.

Tóm lại, ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo đối với tư tưởng chính trị - xã hội thời Lý - Trần được tập trung vào mấy trọng điểm sau:

(1) Văn hóa Phật giáo Lý - Trần lấy tiêu điểm “từ bi”, “nhập thế” tạo cơ sở lí luận hiện thực cho ý thức hệ chính trị và trong quá trình phát triển tư tưởng chính trị Đại Việt (thời Lý - Trần). Văn hóa Phật giáo đã chiếm một vị thế lớn đồng thời cũng có mối liên hệ nhất định với tầng lớp nhân dân. Khi được sử dụng làm hệ tư tưởng chủ yếu trong “tam giáo”, Phật giáo đã tạo nên sự đồng thuận giữa chính quyền phong kiến Lý, Trần và nhân dân, là cơ sở để ổn định và phát triển xã hội, nhưng đối với triều đình thì nó lại không liên quan trực tiếp với chế độ chuyên chế phong kiến. Tuy đến cuối nhà Trần, địa vị của Phật giáo có suy giảm, nhưng phải khẳng định rằng những ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo đến chính trị và xã hội Đại Việt là vô cùng sâu sắc.

(2) Văn hóa Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần đã tùy duyên mà không ngừng biến hóa trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, luôn diễn biến theo điều kiện lịch sử. Vì thế, tác dụng của nó trong xã hội Đại Việt thời Lý - Trần là vô cùng quan trọng và được biểu hiện chủ yếu ở ba mặt: 1) Vì vương quyền chuyên chế mà đề ra luận cứ thần học - lựa chọn Phật giáo làm hệ tư tưởng chủ chốt bên cạnh Nho giáo và Đạo giáo; 2) Một số danh tăng trực tiếp hiến kế cho triều đình, tham dự quyết sách quân chính; 3) An ủi lòng người, tức là thông qua việc truyền giáo lí “từ bi, hỉ xả”, tinh thần nhập thế, “nhân quả nghiệp báo”, “vô thường” “vô ngã”,... đối với mọi tầng lớp trong xã hội tiến hành “trị Tâm”, tạo ra một ý thức hệ dân tộc với tinh thần yêu nước cao độ. Vì vậy, văn hóa Phật giáo không chỉ có tác dụng tạo ra một đường dây nối trong việc đoàn kết dân tộc, mà nó còn vừa phục vụ cho triều đình phong kiến, vừa đảm bảo lợi ích cho quần chúng nhân dân, bình ổn xã hội, tạo nên sức mạnh chiến thắng ngoại xâm, phồn vinh đất nước, mang lại một lối sống nhân văn, nhân đạo, những phong tục tập quán rất đặc trưng, rất mang căn tính “Việt”.

2. Ảnh hưởng đến phong tục, tập quán và lối sống

Xét về từ nguyên, theo các sách Trung Quốc cổ thì “*phong*” là điều người trên xuống lên, kẻ dưới noi theo rồi thành thói quen, cứ như vật theo gió (phong) hòa vào mà không biết; “*tục*” là thói bắt trước người trên, lâu dần hóa ra thành thuộc. Nói gọn thì “người trên cảm

hóa người dưới gọi là phong, người dưới tập nhẫm gọi là tục” (Thượng sở hóa viết phong, hạ sở tập viết tục).

Như vậy, phong tục ban đầu là do con người đặt ra, rồi lại do ảnh hưởng của môi trường sống, của thể chế chính trị, của chế độ giáo dục và của cả sự hội nhập từ bên ngoài, v.v... mà tự vận hành trở thành một hệ thống và rồi hệ thống đó lại vận hành qua thời gian, qua không gian.

Phong tục tập quán là lề lối và thói quen lâu đời của một dân tộc, hay của một quốc gia. Ví dụ, phong tục thờ cúng Tổ tiên, phong tục ma chay, phong tục lễ tết, v.v... Còn tập quán được hiểu là những thái độ, hành vi nào đó được lặp đi lặp lại nhiều lần, ăn sâu vào tiềm thức, tâm lí trở thành thói quen ổn định tương đối lâu dài trong nếp sống của một cá nhân hoặc một khối cộng đồng người trong một địa phương, một dân tộc thường gọi là tập quán - tức thói quen, có tính chất xã hội, được nêu thành nghi thức, có tiêu chuẩn bắt buộc, truyền miệng hay thành văn được dư luận xã hội rộng rãi thừa nhận, ủng hộ, bảo vệ và yêu cầu mọi người tuân theo.

Là sản phẩm của xã hội, phong tục tập quán được sản sinh ra từ các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên; giữa người với người. Có thể nói, phong tục tập quán có mặt ở hầu khắp các lĩnh vực của đời sống con người. Phong tục tập quán của người Việt Nam được hình thành chính là nét đặc trưng văn hóa của cộng đồng được giữ gìn, tôn thờ như là linh hồn của cộng đồng. Nó ăn sâu bám rễ trong tiềm thức của con người, thậm chí khi thay

đổi thể chế chính trị - xã hội mà phong tục tập quán cũng khó thay đổi.

Trong thời Lý - Trần, người Việt Nam vẫn duy trì và phổ biến trong đời sống của mình những phong tục, tập quán tiêu biểu có từ trước đó, mang đậm màu sắc phong tục tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp. Đó là các phong tục tập quán tôn thờ tự nhiên, sùng bái tự nhiên như tập tục thờ cây, thờ đá, thờ sông, suối, v.v... Trong nhiều làng, vẫn còn những bát hương đặt trên các cây cổ thụ. Dân gian vẫn thường nói: "Thần cây đa, ma cây đề". Cây là nguồn sống chính của con người, do đó nảy sinh huyền thoại về cây vũ trụ, vũ trụ ra đời từ một cái cây lớn. Đặc biệt trong tâm thức dân gian Việt Nam, thần núi, thần sông còn tham gia vào việc bảo vệ nước như Thần Tản Viên giúp vua Hùng chống ngoại xâm; Thần sông Tô Lịch biến bùa của Cao Biền thành tro bụi. Sau này, khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, các tín ngưỡng này có sự hỗn dung và vay mượn lẫn nhau. Trong các chùa, dưới các cây cổ thụ đều đặt bát hương thờ, nhiều chùa còn thờ cả những tảng đá lớn hoặc những con vật bằng đá như: chó đá, ghê đá, voi đá, v.v...

Đặc biệt, phong tục tập quán tôn thờ phồn thực thời Lý - Trần cũng vẫn được duy trì và rất phát triển. Trong tín ngưỡng xa xưa, trồng cây ra quả cũng đồng nghĩa với việc nam nữ sinh con cái. Cho nên, trong văn hóa nông nghiệp có tín ngưỡng phồn thực, đồng thời đàn bà có chức năng sinh sản, đẻ con cái nên trong tín ngưỡng này phụ nữ sẽ là chủ chốt. Tục thờ phồn thực biểu hiện ở việc thờ sinh thực khí và

hành vi giao phối. Thờ sinh thực khí, đặc biệt là sinh thực khí nam là phổ biến trong tín ngưỡng dân gian người Việt. Trong nhiều chùa từ thời Lý - Trần: Chùa Dạm, đền Lý Triều Quốc sư, Chùa Láng, Chùa Thầy... có thờ cột đá - biểu tượng của sinh thực khí.

Tập tục thờ các hiện tượng tự nhiên liên quan tới nông nghiệp từ xa xưa dưới thời Lý - Trần vẫn được duy trì từ chốn cung đình đến chốn dân gian. Ví như, để tránh hạn hán, mất mùa thì nhân dân tôn thờ các hiện tượng mưa, nắng, sấm, chớp. Sau này, nhất là thời kì Lý - Trần, Phật giáo đã ảnh hưởng vào các nghi lễ quốc gia. Các thiền sư Phật giáo lập đàn tế để cầu quốc thái dân an, cầu mưa thuận gió hòa. Trong dân gian, sự tôn thờ phổ biến là bốn bà: Bà Mây, Bà Mưa, Bà Sấm, Bà Chớp. Sau này Phật giáo vào, hỗn dung với tín ngưỡng dân gian, cả bốn bà đều thành Phật và trở thành hệ thống tứ pháp, thờ tại các chùa: chùa Bà Dâu, chùa Bà Đậu, chùa Bà Tướng, chùa Bà Dàn. Vua chúa, quan lại đều phải cầu đến các bà để có được mưa.

Như vậy, dưới thời Lý - Trần, bên cạnh sự phát triển của tập tục, tín ngưỡng trong tâm thức người Việt đã được lưu truyền phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân từ thấp đến cao trong xã hội, thì đến đây với sự phát triển hưng thịnh của Phật giáo nên Phật giáo đã ảnh hưởng và làm "biến dạng" hệ thống tín ngưỡng của người Việt một cách sâu sắc.

Mặt khác, phong tục quen thuộc nhất của người Việt dưới thời Lý - Trần chính là phong tục thờ cúng Tổ tiên và

thờ Thành hoàng làng. Hai loại hình tín ngưỡng này cũng chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo nhập thế thời Lý - Trần.

Tục thờ cúng Tổ tiên là tín ngưỡng phổ biến nhất của người Việt. Nó bắt nguồn từ niềm tin rằng linh hồn người chết vẫn tồn tại và ảnh hưởng tới cuộc sống của con cháu. Phật giáo khi vào Việt Nam từ thế kỉ II cho đến thời Lý - Trần đã có sự hội nhập bước đầu với tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên. Do ảnh hưởng của Phật giáo, nên người chết được tổ chức lễ cầu siêu ở chùa và được gửi vào chùa để Đức Phật che chở, trong khi những tín ngưỡng linh hồn cha ông tác động đến con cháu vẫn còn. Hình thức thờ cúng này ở Việt Nam biểu hiện đầy đủ và phổ biến nhất vì người Việt dù có theo Nho, Phật, Đạo thì vẫn thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên và lấy lòng biết ơn làm nền tảng đạo lí.

Thời Lý - Trần, một số lễ hội đặc sắc mang nhiều ảnh hưởng của Phật giáo như: hội Chùa Dâu, hội Chùa Thầy, hội chùa Bối Khê, hội Chùa Hương (Hà Nội), hội Chùa Keo (Thái Bình), lễ hội Nguyên tiêu thả đèn kéo quân, lễ rằm tháng 7, v.v...

Qua đó cho thấy, trong phong tục tập quán thời Lý - Trần ngoài đời sống tâm linh, lễ hội vô cùng phong phú, thì điểm đặc sắc chính là tập tục phong thần và thần linh nấp bóng Phật giáo. Việc thờ cúng Phật không chỉ ở riêng trong chùa mà còn ở cả đình và ngược lại, đình không chỉ là nơi thờ thần mà còn thờ cả Phật. Phật giáo ảnh hưởng sâu rộng và giữ địa vị độc tôn. Tùy theo thâm nhập

thực tế và đã có những biến dạng mở đường chấp nhận các thần linh của dân chúng, nhưng mức độ triết lí tôn giáo của nó vẫn còn đủ sức uyên áo. Và thậm chí được sự nâng đỡ của triều đình, sự lấn át, sự cạnh tranh của Phật giáo đối với các tín ngưỡng dân gian truyền thống rất gay gắt.

Việc triều đình nhà Lý - Trần duy trì thường xuyên phong tục tập quán cấp sắc phong cho các thần linh thể hiện sự hợp nhất sức mạnh Thần - Người nhằm bảo vệ ngai vàng của các đấng quân vương. Nơi thờ tự của các thần linh thời Lý - Trần có khi được thờ trong đền miếu, cũng có khi được thờ cả trong chùa theo kiểu "tiền Phật hậu Thần" hay "tiền Thần hậu Phật". Nguyên nhân của tình hình trên là ở chỗ, trong nhiều thế kỉ trước đó cũng như dưới thời đại Lý - Trần, tư tưởng Nho, Phật, Đạo tồn tại bên cạnh nhau, ảnh hưởng lẫn nhau theo kiểu "Tam giáo đồng nguyên" và cách thờ tự, hệ thống lễ nghi cũng tương ứng là điều dễ thấy.

Ví như các vua Lý, Trần đã chủ trương chính sách khoan dung hòa hợp và chung sống hòa bình giữa các tín ngưỡng tôn giáo như tín ngưỡng dân gian, Phật, Đạo, Nho. Đó chính là hiện tượng tam giáo đồng nguyên ở thời kì này. Nhưng trên nền tảng đó, Phật giáo đã được tôn sùng hơn. Các tín ngưỡng dân gian như tín ngưỡng thần linh, linh vật, tục thờ Mẫu, tục sùng bái anh hùng, pha trộn với Đạo giáo đã được tự do phát triển và khuyến khích, nhưng vẫn có sự ảnh hưởng của Phật giáo trong nghi lễ thờ cúng.

Từ những ảnh hưởng đến phong tục tập quán, văn hóa Phật giáo đã góp phần không nhỏ hình thành nên lối sống “từ bi, hỉ xả”, nhập thể tích cực của người dân Đại Việt thời Lý - Trần.

Văn hóa Phật giáo với hệ thống giáo lý lấy hạt nhân căn bản là học thuyết Tam học “Giới, Định, Tuệ” là nền tảng tư tưởng và phương pháp rèn luyện để con người đạt tới sự giải thoát. Giới học và Định học trong Tam học chủ yếu là học thuyết thuộc về mặt tu dưỡng đạo đức. Trong Tuệ học cũng có nội dung học thuyết đạo đức Phật giáo góp phần hình thành lối sống con người. Do đó, căn cốt của giáo lý Phật giáo có ảnh hưởng không nhỏ đến lối sống và phong tục tập quán của người Việt thời Lý - Trần.

Lối sống được hiểu là phương thức, kiểu cách, thể thức, lề lối sinh hoạt, hoạt động của mỗi cá nhân hoặc của từng cộng đồng, là “phạm trù văn hóa - xã hội khái quát toàn bộ hoạt động sống của các dân tộc, các giai cấp, các nhóm xã hội, các cá nhân trong điều kiện một hình thái kinh tế - xã hội nhất định và biểu hiện trên các lĩnh vực của đời sống trong lao động, hưởng thụ, trong quan hệ giữa người với người, trong sinh hoạt tinh thần và văn hóa”⁽⁷⁾.

Lối sống là một hình thức biểu hiện của văn hóa. Nói đến lối sống là nói đến khía cạnh văn minh nhân loại và truyền thống của một dân tộc, cả các giá trị phổ quát và giá trị phù hợp với điều kiện lịch sử của từng thời kỳ nhất định.

Văn hóa Phật giáo đã mang lại cho người dân Đại Việt thời Lý - Trần một lối sống dung dị, lấy triết lý nhân sinh từ bi

của Phật giáo và tư tưởng nhân ái cao cả của dân tộc làm định hướng cho hoạt động thực tiễn của mình. Lối sống ấy được thể hiện trong phương thức ứng xử, tư tưởng ý thức hệ của cả một dân tộc trong một giai đoạn lịch sử dựng nước và giữ nước khốc liệt. Trong bối cảnh cả dân tộc Đại Việt thời Lý - Trần đang tập trung mọi lực lượng cả vật chất và tinh thần cho cuộc chiến chống Nguyên - Mông, những tư tưởng “Bi - Trí - Dũng” của Phật giáo chính là suối nguồn để tập hợp và đoàn kết toàn dân làm nên những thắng lợi vẻ vang và rất đáng tự hào trong lịch sử dân tộc. Khi nhận định về vai trò của “Đại bi”, “Đại trí”, “Đại dũng”, có tác giả đã khẳng định rằng đó là ba trụ cột lớn của ý thức hệ đạo Phật⁽⁸⁾.

Tuy vậy, không ai có thể phủ nhận triết lý nhân sinh từ bi là tư tưởng cốt lõi của tông Thiên. Chính tông phái này đã rất phát triển dưới triều đại Lý, Trần, đặc biệt là trong tầng lớp trên của xã hội. Vậy tư tưởng nhân sinh từ bi của Thiên tông thời Lý - Trần có vai trò gì đối với lối sống, cách đối nhân xử thế khoan dung, nhân ái Việt Nam? Qua đó, nó có tác dụng như thế nào đối với thực tiễn lịch sử nước nhà ở giai đoạn các triều đại Lý - Trần?

Ở tầng sâu thẳm của triết lý, nhân sinh quan từ bi của Thiên tông là một nhân quan phóng tầm nhìn nhất trí bình đẳng chúng sinh nơi Phật tính. Nói cách

7. Viện Văn hóa và phát triển, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. *Giáo trình lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr. 152.

8. Suzuki D. T. *Cốt tủy của đạo Phật*, (Trúc Thiên dịch) Nxb. An Tiêm, Sài Gòn, 1971, tr. 85.

khác, triết lí nhân sinh ấy khởi đầu bằng sự chứng giải cái nguyên lí nguyên sơ “Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính” (tất cả chúng sinh đều có Phật tính). Do vậy, giác ngộ cái nguyên lí này chính là sự phát khởi của tinh thần dung nhiếp, tương tức, tương nhập, v.v... của vạn hữu.

Triết lí về Phật tính bình đẳng nơi chúng sinh là một triết lí được nhiều thiền sư ở giai đoạn Lý - Trần rất tâm đắc. Từ triết lí này đã hình thành lối sống từ bi, nhân bản sâu sắc, có giá trị tích cực đối với cuộc sống nhân quần; Đó là cách sống “vô ngã vị tha” (đối lập với tư tưởng “vị kỉ, phi nhân”); cách cư xử yêu thương, tình nhân ái bao trùm mọi hiện hữu; Đó là tinh thần bình đẳng bác ái, đức hiếu sinh; tinh thần cứu khổ cứu nạn... Có thể nói, đó là bào dấy tinh thần góp phần cổ kết cuộc sống nhân quần theo hướng hưng lợi, trừ hại, vì cuộc sống an lạc của con người. Tinh thần nhân ái, đức tính thương người của con người Việt Nam và tư tưởng nhân sinh từ bi của Thiên tông không những không phải là sự đối lập mà trái lại, tư tưởng từ bi và tư tưởng nhân ái Việt Nam luôn cộng hưởng tích cực.

Có thể nói tới sự khác nhau giữa lối sống, cách sống từ bi Thiên tông và nhân ái, thương người của truyền thống tổ tiên chúng ta ở mấy điểm sau đây:

1. Lối sống nhân ái, đức thương người truyền thống của tổ tiên chúng ta mang tính giới hạn ở cộng đồng quốc gia - dân tộc. Đó là tình thương nảy nở trên cơ sở thực tiễn của đoàn kết chống kẻ thù xâm lược. Trong khi lối sống từ bi

Thiên tông lại chủ trương lòng nhân ái hòa cùng muôn vật, tình thương không giới hạn tông tộc, đẳng cấp, giai cấp, dân tộc, v.v... tình yêu đối với các loài hữu tình và vô tình.

2. Lối sống nhân ái, đức thương người truyền thống của tổ tiên chúng ta đặt lên trên nền tảng của thực tiễn hiện thực cổ kết cộng đồng dân tộc, nhằm thực hiện sự nghiệp chống kẻ thù xâm lược, cải tạo thiên nhiên, tạo cuộc sống an lành, hòa bình. Trong khi, lối sống từ bi của Thiên tông lại đặt trên nền tảng của sự chứng giải về thực tướng các pháp hay bản thể chân như coi Phật tính hiện hữu nơi chúng sinh.

3. Lối sống, cách sống nhân ái, thương người của truyền thống tổ tiên chúng ta còn ở trình độ tiền triết học, mang nặng tình cảm nhân ái. Trong khi đó, lối sống từ bi của Thiên tông đạt tới trình độ triết học, có tính hệ thống, tính chủ thuyết và hết sức thâm thúy.

Chính sự khác nhau ở điểm thứ ba này đã nói lên vai trò quan trọng của lối sống nhân sinh từ bi của Thiên tông với lối sống, cách sống nhân ái Việt Nam. Ở đây không chỉ là hiện tượng cộng hưởng mà còn là đã đạt tới mức độ nâng cao tầm triết học của lối sống nhân ái Việt Nam nhờ có sự hòa quyện với lối sống từ bi, phóng khoáng của Thiên tông.

Dưới các triều đại Lý, Trần, Thiên tông đặc biệt phát triển, phổ biến và sâu sắc trong tầng lớp trên của xã hội. Sự thâm sâu của tinh thần từ bi được thể hiện trong lối sống, cách hành xử thường ngày của mọi tầng lớp nhân dân đã giữ vai trò tích cực trong lịch sử.

Tầng lớp này trong nhiều trường hợp đã thấu triệt tinh thần bác ái, thương dân, đức hiếu sinh, v.v... của đạo Phật, biết gác lại những lợi ích vị kỷ của cá nhân, mà bước vào sự hòa đồng của dân tộc, vì sự nghiệp chung của dân tộc.

Từ sự phân tích trên, có thể rút ra một vài điểm về ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo đến lối sống người Việt thời Lý - Trần như sau:

Thứ nhất: Đề cao lối sống nhập thế tích cực. Không có sự giác ngộ tối thượng (rốt ráo) nơi những ý định xa rời cuộc sống thế tục. Trái lại, sự giác ngộ cao nhất (tối thượng thừa) chính là sự giác ngộ từ nơi cuộc sống trần gian. Xa lánh cuộc sống đầy rẫy những phân biệt và tranh đấu để cầu tới một cuộc sống ở bờ bên kia là tư tưởng yếm thế, thoát tục hoàn toàn xa lạ với triết lý nhân bản nhân sinh từ bi của Thiên tông.

Thứ hai: Lối sống, cách sống đầy nhân bản từ bi, hỉ xả của Thiên tông chính là ở chỗ xây dựng một cuộc sống nhân quần trong đó lẽ sống từ bi, sự cảm thông tình yêu thương con người, yêu thương vạn vật là sợi dây thiêng liêng xuyên chuỗi những phân biệt và tranh đấu. Từ bi là trái tim của cuộc sống, thấu triệt nguyên lý ấy trong cuộc sống thì cuộc sống ấy chính là Niết Bàn. Cuộc sống đẹp chính là cuộc sống hiện tại của con người mà

trong đó lẽ sống từ bi của hết thảy chúng sinh đã giác ngộ được Phật tính nơi bản thân mình. Phải chăng đó cũng chính là ước vọng chân chính của con người lịch sử hôm qua và cũng là của con người hôm nay.

Nói tóm lại, văn hóa Phật giáo là một thành tố văn hóa có lịch sử lâu dài và giá trị cao, có ý nghĩa trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Việt Nam. Đặc biệt, văn hóa Phật giáo Lý - Trần đã đánh dấu một mốc son vàng của Phật giáo Việt Nam. Văn hóa Phật giáo Việt Nam nói chung, văn hóa Phật giáo Lý - Trần nói riêng chứa đựng những giá trị không thể phủ nhận như giá trị nhân văn, nhân bản, giá trị lịch sử xã hội, v.v... Những giá trị này đã góp phần làm cho văn hóa Phật giáo Lý - Trần có sức sống mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của người dân Đại Việt thời bấy giờ và có ảnh hưởng sâu đậm cho đến ngày nay. Trong bối cảnh ngày nay, toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên lĩnh vực văn hóa, đòi hỏi mỗi chúng ta phải có ý thức và lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu nước, biết đề cao, bảo lưu và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam để phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế, xã hội vì sự tiến bộ, hòa bình, văn minh nhân loại. Tất cả vì mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh"/.